

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 1302/TTr-SNN ngày 14/8/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục **102 thủ tục hành chính** thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Giao thông vận tải (có Danh mục ban hành kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3181/QĐ-UBND ngày 12/12/2017 của UBND tỉnh Sơn La Về việc công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải tỉnh Sơn La.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Hành chính công tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTTHC, Tùng(40b). *de*

CHỦ TỊCH



Cầm Ngọc Minh



DANH MỤC
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI SƠN LA

Kèm theo Quyết định số 2105/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 68 Thủ tục hành chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ: 51 Thủ tục hành chính					
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Không	+ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008; + Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/2014 của Chính phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; + Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. + Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ. + Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh do thay đổi nội dung của Giấy phép kinh doanh; do hết hạn Giấy phép, Giấy phép kinh doanh bị hư hỏng hoặc Giấy phép bị mất.	<p>+ Đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh hết hạn: 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>+ Đối với trường hợp Giấy phép bị mất: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	Không	<p>+ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;</p> <p>+ Nghị định 86/2014/NĐ-CP ngày 10/09/2014 của Chính phủ phủ về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;</p> <p>+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;</p> <p>+ Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ GTVT sửa đổi , bổ sung một số điều của TT 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</p> <p>+ Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>
3	Đăng ký khai thác tuyến.	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính	Không	<p>+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</p> <p>+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</p> <p>+ Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ GTVT sửa đổi , bổ sung một số điều của TT</p>

			công tình		63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
4	Tổ chức lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô	30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	Không	<p>+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</p> <p>+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</p> <p>+ Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</p> <p>+ Thông tư số 92/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 Quy định về Quy trình lựa chọn đơn vị khai thác tuyến VTHK cố định bằng xe ô tô.</p>
5	Cấp mới, cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe tuyến cố định, xe buýt, xe tải, xe đầu kéo, xe công-ten-nơ.	<p>+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;</p> <p>+ Đối với phương tiện mang biển số</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	Không	<p>+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</p> <p>+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</p> <p>+ Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ GTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của TT 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</p>

		đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.			
6	Cấp mới, cấp lại phù hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch.	Trong thời hạn tối đa là 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải tổ chức cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	Không	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường bộ năm 2008; + Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch. + Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.
7	Cấp mới, cấp lại phù hiệu xe nội bộ.	+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải	Không	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường bộ năm 2008; + Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

		<p>tục hành chính: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định;</p> <p>+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết TTHC: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.</p>	<p>tại Trung tâm hành chính công tỉnh</p>		<p>+ Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ GTVT sửa đổi , bổ sung một số điều của TT 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</p>
8	Cấp mới, cấp lại phù hiệu xe trung chuyển	<p>+ Đối với phương tiện mang biển đăng ký tại địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh</p>	Không	<p>+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</p> <p>+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</p> <p>+ Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ GTVT sửa đổi , bổ sung một số điều của TT 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.</p>

		<p>quy định;</p> <p>+ Đối với phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính: 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ theo quy định.</p>			
9	Cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào đối với phương tiện vận tải thương mại (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải)	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Không	+ Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của hiệp định và nghị định thư thực hiện hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào
10	Cấp Giấy phép liên vận Việt-Lào (Đối với phương tiện phi thương mại và phương tiện thương	01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải	Không	+ Thông tư số 88/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của hiệp định và nghị định thư thực hiện hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới

	mại phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã trên lãnh thổ Lào).	định.	tại Trung tâm hành chính công tỉnh		đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.
11	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.	01 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Không	+ Luật Giao thông đường bộ ngày 13/11/2008; + Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ GTVT Quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.
12	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng đăng ký lần đầu	10 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Cấp mới kèm theo biển số: 200.000 đ/lần/phương tiện.	+ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008; + Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, thu hồi đăng ký biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT, ngày 05/12/2011 sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT về quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ. + Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu,

					nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng; Quyết định số 1965/QĐ - UBND ngày 19/7/2017 của UBND tỉnh Sơn La về việc phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính đưa vào tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công tỉnh.
13	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất	Sau 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT, nếu không có tranh chấp, Sở Giao thông vận tải cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số cho chủ sở hữu.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở GTVT tại Trung tâm hành chính công tỉnh	+ Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện + Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện.	+ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008; + Điều 15; khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 17 Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, thu hồi đăng ký biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; + Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT, ngày 05/12/2011 sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/07/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT về quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ. + Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.
14	Di chuyển đăng ký	02 ngày làm	Bộ phận tiếp	Không	+ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày

	xe máy chuyên dùng	việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình		13 tháng 11 năm 2008; + Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, thu hồi đăng ký biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;
15	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do Sở Giao thông vận tải quản lý.	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	50.000đồng/lần/phương tiện.	+ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008; + Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, thu hồi đăng ký biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ; + Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT, ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số Điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT, ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ. + Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.
16	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe, máy chuyên	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao	70.000 đồng/lần/phương tiện.	+ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008; + Điều 16, Điều 17 Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

	dùng	hồ sơ hợp lệ.	thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh		<p>quy định về cấp, thu hồi đăng ký biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;</p> <p>+ Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT, ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số Điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT, ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.</p> <p>+ Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>
17	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe, máy chuyên dùng có thời hạn	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	70.000 đồng/lần/phương tiện.	<p>+ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;</p> <p>+ Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, thu hồi đăng ký biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;</p> <p>+ Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT, ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số Điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT, ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.</p> <p>+ Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>

18	Đổi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng trường hợp cải tạo; thay đổi màu sơn hoặc có giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số bị hỏng	02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	<p>+ Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần/phương tiện</p> <p>+ Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần/phương tiện.</p>	<p>+ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;</p> <p>+ Điều 24 Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, thu hồi đăng ký biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;</p> <p>+ Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT, ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số Điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT, ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.</p> <p>+ Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng</p>
19	Xóa số đăng ký xe, máy chuyên dùng	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính	Không	<p>+ Luật Giao thông đường bộ số 23/2008/QH12 ngày 13 tháng 11 năm 2008;</p> <p>+ Điều 24 Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, thu hồi đăng ký biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;</p> <p>+ Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT, ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi một số Điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT, ngày</p>

			công tình		30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ.
20	Cấp mới giấy phép đào tạo lái xe ô tô.	12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	Không	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường bộ năm 2008; + Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 nghị định của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.
21	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô.	02 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	Không	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường bộ năm 2008; + Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 nghị định của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.
22	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả tập huấn	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	Không	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường bộ năm 2008; + Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 nghị định của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

		02 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép đào tạo			
23	Cấp Giấy phép xe tập lái,	lái xe cho cơ sở đào tạo, Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra thực tế và cấp giấy phép xe tập lái cho xe đủ điều kiện.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	Không	+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008; + Nghị định 65/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 nghị định của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.
24	Cấp mới Giấy phép lái xe	10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.	Thực hiện tại địa điểm đào tạo GPLX, có kế hoạch hàng năm	+ Lệ phí: 135.000 đ/lần. + Phí sát hạch lái xe: Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết: 40.000đ/lần; sát hạch thực hành: 50.000đ/lần. Đối với thi sát hạch lái xe ô tô	+ Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. + Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

				(hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết: 90.000đ/lần; sát hạch trong hình: 300.000 đ/lần; sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đ/lần	
25	Cấp lại Giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải quản lý đối với người có Giấy phép lái xe quá thời hạn sử dụng từ 3 tháng trở lên đến dưới 1 năm, kể từ ngày hết hạn.	+ Quá từ 03 tháng đến dưới 01 năm, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại lý thuyết để cấp lại giấy phép lái xe; + 08 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch, người lái xe được cấp lại GPLX sau khi có quyết định trúng tuyển	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	Lệ phí: 135.000đ/lần cấp GPLX. + Sát hạch lý thuyết: 90.000 đồng/lần;	+ Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. + Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. + Thông tư liên tịch số 24/2015/TILT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe.

		<p>+ Quá từ 01 năm trở lên, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại giấy phép lái xe.</p> <p>+ Không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch, sau khi thi lại các nội dung phù hợp với thời gian quá hạn, người lái xe được cấp lại GPLX sau khi có quyết định trúng tuyển.</p>		<p>135.000đ/lần cấp GPLX.</p> <p>+ Sát hạch lý thuyết: 90.000 đồng/lần;</p> <p>+ Sát hạch thực hành trong hình: 300.000 đồng/lần;</p> <p>+ Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng/lần</p>	
26	<p>Cấp lại Giấy phép lái xe do ngành giao thông vận tải quản lý đối với người có giấy phép lái xe quá hạn sử dụng từ 1 năm trở lên, kể từ ngày hết hạn.</p>	<p>+ Quá từ 01 năm trở lên, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại giấy phép lái xe.</p> <p>+ Không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch, sau khi thi lại các nội dung phù hợp với thời gian quá hạn, người lái xe được cấp lại GPLX sau khi có quyết định trúng tuyển.</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình</p>	<p>135.000đ/lần cấp GPLX.</p> <p>+ Sát hạch lý thuyết: 90.000 đồng/lần;</p> <p>+ Sát hạch thực hành trong hình: 300.000 đồng/lần;</p> <p>+ Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng/lần</p>	<p>+ Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.</p> <p>+ Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe.</p>
27	<p>Cấp lại Giấy phép lái xe Sở Giao thông vận tải quản lý bị mất còn thời hạn sử dụng hoặc quá thời hạn sử dụng dưới 03 tháng còn hồ sơ gốc hoặc không còn hồ sơ gốc</p>	<p>Sau 60 ngày kể từ ngày nộp đủ hồ sơ theo quy định, được xét cấp lại giấy phép lái xe</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình</p>	<p>135.000đ/lần cấp GPLX</p>	<p>+ Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.</p> <p>+ Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p>

28	Cấp lại Giấy phép lái xe do Sở Giao thông vận tải quản lý bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 01 năm còn hồ sơ gốc hoặc không còn hồ sơ gốc	<ul style="list-style-type: none"> + Quá từ 03 tháng đến dưới 01 năm, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại lý thuyết để cấp lại giấy phép lái xe; + Sau 08 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch, sau khi thi lại các nội dung phù hợp với thời gian quá hạn, người lái xe được cấp lại GPLX sau khi có quyết định trúng tuyển. 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	<p>Lệ phí: 135.000đ/lần cấp GPLX.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sát hạch lý thuyết: 90.000 đồng/lần; + Sát hạch thực hành trong hình: 300.000 đồng/lần; + Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng/lần 	<ul style="list-style-type: none"> + Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. + Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. + Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe.
29	Cấp lại Giấy phép lái xe do Sở Giao thông vận tải quản lý bị mất, quá thời hạn sử dụng từ 1 năm trở lên còn hồ sơ gốc hoặc không còn hồ sơ gốc.	<ul style="list-style-type: none"> + Quá thời hạn từ 01 năm trở lên, kể từ ngày hết hạn, phải sát hạch lại lý thuyết và thực hành để cấp lại giấy phép lái xe; + Sau 08 ngày làm việc kể từ 	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	<p>Lệ phí: 135.000đ/lần cấp GPLX.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Sát hạch lý thuyết: 90.000 đồng/lần; + Sát hạch thực hành trong hình: 300.000 	<ul style="list-style-type: none"> + Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ. + Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. + Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng

		ngày kết thúc kỳ sát hạch, sau khi thi lại các nội dung phù hợp với thời gian quá hạn, người lái xe được cấp lại GPLX sau khi có quyết định trúng tuyển.		đồng/lần; + Sát hạch thực hành trên đường giao thông công cộng: 60.000 đồng/lần	Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe.
30	Lập lại hồ sơ gốc Giấy phép lái xe	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Không	+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008; + Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.
31	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	03 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Lệ phí: 135.000 đồng/lần cấp	+ Thông tư số 12/2017/TT -BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp GPLX cơ giới đường bộ. + Thông tư số 188/2016/TT- BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe, lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.
32	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc	03 ngày làm việc, kể từ khi	Bộ phận tiếp nhận và trả	Lệ phí: 135.000đ/lần	+ Thông tư số 12/2017/TT – BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch cấp GPLX.

	phòng cấp	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	cấp	<p>+ Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe.</p>
33	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp trước ngày 01/08/1995.	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Lệ phí: 135.000đ/lần cấp	<p>+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</p> <p>+ Thông tư số 12/2017/TT – BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch GPLX.</p> <p>+ Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe.</p>
34	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công	03 ngày làm việc, kể từ khi	Bộ phận tiếp nhận và trả	Lệ phí: 135.000đ/lần	<p>+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</p> <p>+ Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ</p>

	an cấp từ ngày 01/08/1995	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	cấp	<p>trường Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.</p> <p>+ Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe.</p>
35	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	Lệ phí: 135.000đ/lần cấp	<p>+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</p> <p>+ Thông tư 12/2017/TT – BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ Giao thông vận tải. Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe.</p> <p>+ Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.</p> <p>+ Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe.</p>
36	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe	02 ngày làm việc, từ khi	Bộ phận tiếp nhận và trả	Lệ phí: 135.000đ/lần	<p>+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;</p> <p>+ Thông tư 12/2017/TT – BGTVT ngày 15/4/2017</p>

	của nước ngoài cấp cho khách du lịch lái xe vào Việt Nam	nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	cấp	của Bộ Giao thông vận tải. Quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe. + Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng. + Thông tư liên tịch số 24/2015/TTLT-BYT-BGTVT ngày 21/8/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn sức khỏe của người lái xe, việc khám sức khỏe định kỳ đối với người lái xe ô tô và quy định về cơ sở y tế khám sức khỏe cho người lái xe.
37	Cấp Giấy phép lái xe quốc tế	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	Lệ phí: 135.000đ/lần cấp	+ Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 07/6/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. + Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.
38	Cấp lại Giấy phép lái xe quốc tế	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính	Lệ phí: 135.000đ/lần cấp	+ Thông tư số 29/2015/TT-BGTVT ngày 07/6/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. + Thông tư 188/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

			công tỉnh		
39	Cấp mới Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Không	+ Nghị định số 65/2016/NĐ -CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe + Thông tư 79/2015/TT - BGTVT ngày 10/12/2015 của bộ Giao thông vận tải Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.
40	Cấp lại Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Không	+ Nghị định số 65/2016/NĐ -CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe + Thông tư 79/2015/TT - BGTVT ngày 10/12/2015 của bộ Giao thông vận tải Ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ.
41	Đôi, cấp lại chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ	03 ngày làm việc.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Không	+ Thông tư số 06/2011/TT-BGTVT, ngày 07/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

42	Thẩm định dự án/thẩm định điều chỉnh dự án công trình giao thông sử dụng vốn ngân sách nhà nước	<p>- Không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc đối với dự án nhóm B (quá trình thực hiện từ khi nhận và ra thông báo kết quả thẩm định hồ sơ trả bộ phận một cửa là 25 ngày làm việc; nếu liên thông lên UBND tỉnh thì giảm trừ thời gian thêm 05 ngày để thực hiện thủ tục hành chính tại UBND tỉnh)</p> <p>- Không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc đối với dự án nhóm C (quá trình thực hiện từ khi nhận và ra thông báo kết quả thẩm</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Nộp lệ phí thẩm định theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.	<p>+ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;</p> <p>+ Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;</p> <p>+ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;</p> <p>+ Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở.</p> <p>+ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;</p> <p>+ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.</p>
----	---	--	---	---	---

		<p>định hồ sơ trả bộ phận một của là 15 ngày làm việc; nếu liên thông lên UBND tỉnh thì giảm trừ thời gian thêm 05 ngày để thực hiện thủ tục hành chính tại UBND tỉnh)</p> <p>- Không quá 20 ngày làm việc đối với trường hợp chỉ yêu cầu lập báo cáo kinh tế kỹ thuật (quá trình thực hiện từ khi nhận và ra thông báo kết quả thẩm định hồ sơ trả bộ phận một của là 15 ngày làm việc; nếu liên thông lên UBND tỉnh thì giảm trừ thời</p>			
--	--	---	--	--	--

		<i>gian thêm 05 ngày để thực hiện thủ tục hành chính tại UBND tỉnh)</i>			
43	Thẩm định thiết kế và dự toán/ điều chỉnh thiết kế và dự toán công trình giao thông sử dụng vốn ngân sách nhà nước	<p>- Không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc đối với công trình cấp II và cấp III (quá trình thực hiện từ khi nhận và ra thông báo kết quả thẩm định hồ sơ trả bộ phận một cửa là 25 ngày làm việc; nếu liên thông lên UBND tỉnh thì giảm trừ thời gian thêm 05 ngày để thực hiện thủ tục hành chính tại UBND tỉnh)</p> <p>- Không quá 20 (hai mươi) ngày làm việc</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Nộp lệ phí thẩm định theo quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng.	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; + Nghị định 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; + Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; + Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở. + Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; + Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.

		<p>đôi với các công trình còn lại (<i>quá trình thực hiện từ khi nhận và ra thông báo kết quả thẩm định hồ sơ trả bộ phận một cửa là 15 ngày làm việc; nếu liên thông lên UBND tỉnh thì giám trừ thời gian thêm 05 ngày để thực hiện thủ tục hành chính tại UBND tỉnh</i>)</p>			
44	<p>Kiểm tra công trình giao thông hoàn thành trước khi đưa vào khai thác sử dụng.</p>	<p>- Tổng thời gian kiểm tra: 30 ngày đối với công trình cấp II, III; 20 ngày đối với công trình cấp IV. Ra văn bản chấp thuận kết quả nghiệm thu của chủ đầu tư</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh</p>	<p>Thực hiện theo Mục 5 Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình; Điều 14 Thông tư số 26/2016/TT-</p>	<p>- Điều 123 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. - Điều 13 Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.</p>

		<p>trong thời hạn 10 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra.</p> <p>- Trường hợp phải giải trình, khắc phục tồn tại (nếu có) và thực hiện thí nghiệm đối chứng, thử tải, kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục hoặc toàn bộ công trình theo quy định của Điều 29 của Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ thì thời hạn trên được tính từ khi chủ đầu tư hoàn thành các yêu cầu này.</p>		<p>BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.</p>	
--	--	---	--	--	--

					<p>- Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La</p> <p>- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p> <p>- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p>
45	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Sở GTVT quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại trung tâm hành chính công tỉnh	Không	
46	Cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do Sở GTVT quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại trung tâm hành chính công tỉnh	Không	<p>- Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La</p> <p>- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p> <p>- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p>

47	Chấp thuận thi công công trình trên đường bộ đang khai thác do Sở GTVT quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại trung tâm hành chính công tỉnh	Không	<p>- Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La</p> <p>- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p> <p>- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p>
48	Cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác do Sở GTVT quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại trung tâm hành chính công tỉnh	Không	<p>- Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La</p> <p>- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p> <p>- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p>

					<p>- Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La</p> <p>- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p> <p>- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p>
49	Chấp thuận thiết kế đấu nối đường bộ do Sở GTVT quản lý	Trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại trung tâm hành chính công tỉnh	Không	<p>- Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La</p> <p>- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p> <p>- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p>
50	Cấp phép thi công đấu nối đường bộ do Sở GTVT quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại trung tâm hành chính công tỉnh	Không	<p>- Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La</p> <p>- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p> <p>- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p>

51	Công bố đưa bến xe, bãi đỗ xe; trạm, điểm dừng nghỉ vào khai thác	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại trung tâm hành chính công tỉnh	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 49/2012/TT-BGTVT ngày 12/12/2012 của Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách - Thông tư số 73/2015/TT-BGTVT ngày 11/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách sửa đổi lần 1 năm 2015 - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ - Thông tư số 48/2012/TT-BGTVT ngày 15/11/2012 của Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trạm dừng nghỉ đường bộ - Số hiệu: QCVN 43:2012/BGTVT - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ
----	---	--	---	-------	---

II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY: 17 Thủ tục hành chính

52	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn.	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> + Lệ phí cấp, đổi GCNKNCM: 50.000 đồng/lần; + Lệ phí cấp, chứng chỉ chuyên môn: 	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT Quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm
----	---	---	---	--	--

				20.000 đồng/lần.	<p>chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;</p> <p>+ Thông tư 02/2017/TT – BGTVT ngày 20/1/2017 của bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 56/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa.</p> <p>+ Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</p>
53	Đăng ký lần đầu đổi với phương tiện thủy nội địa chưa khai thác trên đường thủy nội địa.	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	<p>+ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;</p> <p>+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa;</p> <p>+ Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</p>
54	Đăng ký lần đầu đổi với phương tiện thủy nội địa đang khai thác trên đường thủy nội địa.	02 ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	<p>+ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;</p> <p>+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa;</p>

			công tỉnh		+ Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
55	Đăng ký lại phương tiện, trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 13 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
56	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
57	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19

	quan đăng ký phương tiện		tại Trung tâm hành chính công tỉnh		tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2 016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
58	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2 016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
59	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2 016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
60	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương	02 ngày làm việc, từ khi	Bộ phận tiếp nhận và trả	+ Lệ phí: 70.000	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông

	tiện thủy nội địa	nhận đủ hồ sơ hợp lệ	kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	đồng/Giấy chứng nhận.	đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2 016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
61	Cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa	03 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Không	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa;
62	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đào tạo thuyền viên	10 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Không	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Nghị định số 78/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa;
63	Cấp, cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyên khách du lịch	02 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản trả lời của Sở Văn hóa,	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Thông tư số 02/2016/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 29/3/2016 của Bộ GTVT - Bộ văn hóa, thể thao

		Thế thao và Du lịch (Sở Du lịch) hoặc kể từ ngày hết thời gian quy định	tại Trung tâm hành chính công tỉnh		và du lịch Thông tư liên tịch hướng dẫn về cấp biển hiệu phương tiện thủy nội địa vận chuyển khách du lịch + Thông tư số 198/2 016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
		xin ý kiến, Sở Giao thông vận tải cấp biển hiệu cho phương tiện.			
64	Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông	+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan. + Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tỉnh	Không	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Thông tư quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.

65	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam	<p>+ Trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Sở Giao thông vận tải lấy ý kiến của các cơ quan liên quan.</p> <p>- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ khi nhận được ý kiến của các cơ quan liên quan, Sở Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận.</p>	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	Không	<p>+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;</p> <p>+ Thông tư số 80/2014/TT-BGTVT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về vận tải hành khách, hành lý, bao gửi trên đường thủy nội địa.</p>
66	Thủ tục kiểm tra và cấp Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa	Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc đối với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc dưới 70 km và 02 (hai) ngày làm việc	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm hành chính công tình	+ Lệ phí đăng kiểm: Tính theo Biểu mức thu phí của Thông tư số 123/2013/TT-BTC ngày 28/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.	<p>+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;</p> <p>+ Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải về Quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.</p> <p>+ Thông tư số 123/2013/TT-BTC ngày 28/8/2013 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí kiểm định an toàn kỹ thuật và chất</p>

		đôi với việc kiểm tra phương tiện cách trụ sở làm việc từ		+ Lệ phí cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa: 50.000 đồng/giấy	lượng phương tiện thủy nội địa. + Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/ 11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, quản lý lệ phí Giấy chứng nhận đảm bảo chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.
		70 km trở lên, kể từ khi kết thúc kiểm tra tại hiện trường, nếu kết quả kiểm tra phương tiện thỏa mãn các quy định của quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn kỹ thuật.			
67	Chấp thuận xây dựng bến thủy nội địa	Trong thời gian không quá 4, 5 (bốn phẩy năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại trung tâm hành chính công tỉnh	Không	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Thông tư quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa
68	Cấp Giấy phép hoạt động bến thủy nội địa	Trong thời gian không quá 4,5 (bốn phẩy năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định,	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải tại trung tâm hành chính công tỉnh	Không	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Thông tư số 50/2014/TT-BGTVT ngày 17/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Thông tư quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa ban hành Thông tư quy định về quản lý cảng, bến thủy nội địa

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN: 15 Thủ tục hành chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ: 06 Thủ tục hành chính					
1	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND huyện quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện (đối với huyện chưa có Trung tâm HCC)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ - Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
2	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND huyện quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày

			(đối với huyện chưa có Trung tâm hành chính công)		24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ - Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
3	Chấp thuận thi công công trình trên đường bộ đang khai thác do UBND huyện quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện (đối với huyện chưa có Trung tâm HCC)	Không	- Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
4	Cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác do UBND huyện quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện (đối với huyện chưa có Trung tâm HCC)	Không	- Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

5	Chấp thuận thiết kế đấu nối đường bộ do UBND huyện quản lý	Trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện (đối với huyện chưa có Trung tâm hành chính công)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
6	Cấp phép thi công đấu nối đường bộ do UBND huyện quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm hành chính công huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện (đối với huyện chưa có Trung tâm hành chính công)	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THỦY: 09 Thủ tục hành chính

7	<p>Đăng ký lần đầu đối với phương tiện thủy nội địa chưa khai thác trên đường thủy nội địa.</p>	<p>02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm HCC huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện (đối với huyện chưa có Trung tâm hành chính công)</p>	<p>+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.</p>	<p>+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</p>
8	<p>Đăng ký lần đầu đối với phương tiện thủy nội địa đang khai thác trên đường thủy nội địa.</p>	<p>02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm HCC huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện (đối với huyện chưa có Trung tâm hành chính công)</p>	<p>+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.</p>	<p>+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</p>

9	Đăng ký lại phương tiện, trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm HCC huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện (đối với huyện chưa có Trung tâm hành chính công)	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 13 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm HCC huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện (đối với huyện chưa có Trung tâm hành chính công)	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

					<p>+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;</p>
11	<p>Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.</p>	<p>02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm HCC huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện (đối với huyện chưa có Trung tâm HCC)</p>	<p>+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.</p>	<p>+ Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa;</p> <p>+ Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</p>
12	<p>Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.</p>	<p>02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm HCC huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện (đối với huyện chưa có Trung tâm HCC)</p>	<p>+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.</p>	<p>+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;</p> <p>+ Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa;</p> <p>+ Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</p>

13	<p>Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác</p>	<p>02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm HCC huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện (đối với huyện chưa có Trung tâm hành chính công)</p>	<p>+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.</p>	<p>+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</p>
14	<p>Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa</p>	<p>02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm HCC huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện (đối với huyện chưa có Trung tâm hành chính công)</p>	<p>+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.</p>	<p>+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.</p>

15	Cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa	03 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm HCC huyện, TP hoặc tại trụ sở UBND huyện (đối với huyện chưa có Trung tâm Hành chính công)	Không	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa;
----	--	---	---	-------	--

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 15 Thủ tục hành chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ: 06 Thủ tục hành chính					
1	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND xã quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ - Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ
2	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ do UBND xã quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và

					<p>bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p> <p>- Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT</p>
					<p>hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ</p>
3	Chấp thuận thi công công trình trên đường bộ đang khai thác do UBND xã quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	Không	<p>- Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La</p> <p>- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.</p>
4	Cấp phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác do UBND xã quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	Không	<p>- Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La</p> <p>- Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.</p>

5	Chấp thuận thiết kế đấu nối đường bộ do UBND xã quản lý	Trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
6	Cấp phép thi công đấu nối đường bộ do UBND xã quản lý	Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	Không	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 05/10/2016 của UBND tỉnh Sơn La ban hành Quy định sử dụng phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ địa phương, tỉnh Sơn La - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ: 09 Thủ tục hành chính

7	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện thủy nội địa chưa khai thác trên đường thủy nội địa.	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	<ul style="list-style-type: none"> + Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
---	--	---	---	---	---

8	Đăng ký lần đầu đối với phương tiện thủy nội địa đang khai thác trên đường thủy nội địa.	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
9	Đăng ký lại phương tiện, trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 13 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
10	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và

					sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
11	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
12	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
13	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa;

	thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp xã khác. _____		trần		+ Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt. _____
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa	02 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	+ Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa; + Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.
15	Cấp Giấy chứng nhận xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa	03 ngày làm việc, từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại trụ sở UBND xã, phường, thị trấn	Không	+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014; + Điều 14 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về Đăng ký phương tiện thủy nội địa;

D. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO ĐƠN VỊ KHÁC THỰC HIỆN: 04 thủ tục hành chính

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
1	Cấp Giấy chứng nhận, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới.	01 ngày làm việc.	Các Công ty Cổ phần đăng kiểm cơ giới đường bộ Sơn La	<p>a) - Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới (trong sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho: xe xe cơ giới; linh kiện, thiết bị, xe máy chuyên dùng (bao gồm cả xe cải tạo); xe bốn bánh có gắn động cơ; xe đạp điện; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng: 50.000 đ/GCN.</p> <p>- Riêng Giấy chứng nhận cấp cho xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 100.000 đ/GCN.</p> <p>b) Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới đang lưu hành.</p> <p>- Xe ô tô tải, đoàn xe ô tô, xe ô tô đầu kéo có trọng tải trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng: 560.000 đ.</p> <p>- Xe ô tô tải, đoàn xe ô tô, xe ô tô</p>	<p>- Luật Giao thông đường bộ 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;</p> <p>- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 Quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p> <p>- Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 Quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p> <p>- Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng.</p> <p>- Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.</p> <p>- Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.</p> <p>- Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016</p>

				<p>đầu kéo có trọng tải trên 7 tấn đến 20 tấn và các loại máy kéo: 350.000 đ.</p> <p>- Xe ô tô tải có trọng tải trên 2 tấn đến 7 tấn: 320.000 đ.</p> <p>- Xe ô tô tải có trọng tải đến 2 tấn: 280.000 đ.</p> <p>- Máy kéo bông sen, công nông và các loại phương tiện vận chuyên tương tự: 180.000 đ.</p> <p>- Rơ moóc, sơ mi rơ moóc: 180.000đ.</p> <p>- Xe ô tô khách trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt: 350.000đ</p> <p>- Xe ô tô khách từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe): 320.000đ</p> <p>- Xe ô tô khách từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe): 280.000đ</p> <p>- Xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi, xe ô tô cứu thương: 160.000đ.</p> <p>- Xe lam, xích lô máy loại 3 bánh: 70.000đ</p>	<p>Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chuất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> <p>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016</p> <p>Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.</p> <p>- Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016</p> <p>Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.</p>
2	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ	01 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Các Công ty Cổ phần đăng kiểm cơ giới đường bộ Sơn La	<p>a) - Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới (trong sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho: xe xe cơ giới; linh kiện, thiết bị, xe máy chuyên dùng (bao gồm cả xe cải tạo); xe bốn bánh có gắn động cơ; xe đạp điện; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới,</p>	<p>- Luật Giao thông đường bộ 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008;</p> <p>- Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 Quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p> <p>- Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 Quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.</p>

	<p>giới đường bộ khi bị mất, hỏng.</p>		<p>xe máy chuyên dùng: 50.000 đ/GCN.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Riêng Giấy chứng nhận cấp cho xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 100.000 đ/GCN. <p>b) Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới đang lưu hành.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xe ô tô tải, đoàn xe ô tô, xe ô tô đầu kéo có trọng tải trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng: 560.000 đ. - Xe ô tô tải, đoàn xe ô tô, xe ô tô đầu kéo có trọng tải trên 7 tấn đến 20 tấn và các loại máy kéo: 350.000 đ. - Xe ô tô tải có trọng tải trên 2 tấn đến 7 tấn: 320.000 đ. - Xe ô tô tải có trọng tải đến 2 tấn: 280.000 đ. - Máy kéo bông sen, công nông và các loại phương tiện vận chuyên tương tự: 180.000 đ. - Rơ moóc, sơ mi rơ moóc: 180.000đ. - Xe ô tô khách trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt: 350.000đ - Xe ô tô khách từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe): 320.000đ - Xe ô tô khách từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe): 280.000đ - Xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi, xe ô tô 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng. - Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới. - Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới. - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chuất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn. - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới. - Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.
--	--	--	---	--

				<p>cứu thương: 160.000đ. - Xe lam, xích lô máy loại 3 bánh: 70.000đ</p>	
3	<p>Ghi nhận bổ sung, sửa đổi hồ sơ phương tiện khi xe cơ giới có thay đổi thông tin hành chính và thông số kỹ thuật.</p>	<p>01 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ</p>	<p>Các Công ty Cổ phần đăng kiểm cơ giới đường bộ Sơn La</p>	<p>a) - Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới (trong sản xuất, lắp ráp hoặc cải tạo); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho: xe cơ giới; linh kiện, thiết bị, xe máy chuyên dùng (bao gồm cả xe cải tạo); xe bốn bánh có gắn động cơ; xe đạp điện; Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, xe máy chuyên dùng: 50.000 đ/GCN. - Riêng Giấy chứng nhận cấp cho xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi (không bao gồm xe cứu thương): 100.000 đ/GCN. b) Mức giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới đang lưu hành. - Xe ô tô tải, đoàn xe ô tô, xe ô tô đầu kéo có trọng tải trên 20 tấn và các loại xe ô tô chuyên dùng: 560.000 đ.</p>	<p>- Luật Giao thông đường bộ 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008; - Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 Quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. - Thông tư số 70/2015/TT-BGTVT ngày 09/11/2015 Quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ. - Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng. - Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 Quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới. - Thông tư số 51/2016/TT-BGTVT ngày 30/12/2016 Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 63/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm định xe cơ giới.</p>

				<ul style="list-style-type: none"> - Xe ô tô tải, đoàn xe ô tô, xe ô tô đầu kéo có trọng tải trên 7 tấn đến 20 tấn và các loại máy kéo: 350.000 đ. - Xe ô tô tải có trọng tải trên 2 tấn đến 7 tấn: 320.000 đ. - Xe ô tô tải có trọng tải đến 2 tấn: 280.000 đ. - Máy kéo bông sen, công nông và các loại phương tiện vận chuyển tương tự: 180.000 đ. - Rơ moóc, sơ mi rơ moóc: 180.000đ. - Xe ô tô khách trên 40 ghế (kể cả lái xe), xe buýt: 350.000đ - Xe ô tô khách từ 25 đến 40 ghế (kể cả lái xe): 320.000đ - Xe ô tô khách từ 10 ghế đến 24 ghế (kể cả lái xe): 280.000đ - Xe ô tô dưới 10 chỗ ngồi, xe ô tô cứu thương: 160.000đ. - Xe lam, xích lô máy loại 3 bánh: 70.000đ 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chuất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn. - Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới. - Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.
4	Cấp giấy chứng nhận, tem kiểm định ATKT & BVMT xe máy chuyên dùng tham gia giao thông	01 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Các Công ty Cổ phần đăng kiểm cơ giới đường bộ Sơn La	<ul style="list-style-type: none"> - Lệ phí cấp giấy Chứng nhận: 50.000đ/giấy chứng nhận. - Giá kiểm định theo Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Giao thông đường bộ 23/2008/QH12 ngày 13/11/2008; - Thông tư số 89/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 Quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng. - Thông tư số 199/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chuất lượng, an toàn

	đường bộ.				<p>kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> <p>- Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 Quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.</p> <p>- Thông tư số 293/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ.</p>
--	-----------	--	--	--	---

Handwritten signature or mark